

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 31 /2018/DS-ST  
Ngày: 11/7/2018  
V/v: tranh chấp hợp đồng  
dịch vụ.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Hải Trung
2. Ông Trần Văn Hưng

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:***  
Ông Phan Thanh Hào- kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Nguyễn Văn Khải H, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 315/5, ấp Long Đ, xã Long Th, huyện Lai V, tỉnh Đồng Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn D ( văn phòng Luật sư Năm G) thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh L.

**Bị đơn:** chị Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 151A, khóm 2, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** chị Võ Thị Minh Th, sinh năm 1995. Địa chỉ: số 13, ấp Bình Tịnh B, xã Hòa T, huyện Mang Th, tỉnh Vĩnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Khải Hoàng trình bày:*

Vào ngày 22/3/2018 anh có ký kết hợp đồng thuê áo cưới với chị Huỳnh Thị Yến N chủ tiệm áo cưới Huỳnh N với tổng số tiền phải trả sau khi kết thúc hợp đồng là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng) công việc chị Huỳnh N phải làm trong đám hỏi và đám cưới của anh và chị Võ Thị M Thi cụ thể là:

- 01 cuốn album chụp ngoại cảnh Hồ Cốc- Vũng Tàu, bao xe đi và về , 02 tấm hình cổng 60 x 90, 01 bộ veston xanh lá cho đám hỏi, 01 sore xanh cho đám hỏi, đám cưới 01 sore trắng tay ngang, 01 sore xanh dương, 01 sore đỏ cổ yếm, 01 bộ veston trắng viền xám chụp hình, 01 bộ veston xanh xám, 01 áo dài đám hỏi hình con phụng, áo dài đám cưới cách tân mới, 01 lần chải tóc đám hỏi, tặng thêm 100 tấm hình đám, 01 bó hoa tươi đến đám cưới giao, hình cổng giao trước ngày 17 ãl, album giao trước đám cưới 01 tuần lễ.

-Anh H phải đặt cọc trước cho chị Ni số tiền 5.200.000đ, số tiền còn lại sau đám cưới anh sẽ giao cho chị Ni là 5.300.000đ.

Thực hiện hợp đồng anh đã đặt cọc trước cho chị Ni số tiền 5.200.000đ, những công việc trong ngày đám hỏi 19/02 ãl/2018 chị Ni đã thực hiện xong gồm: chụp 01 cuốn album ngoại cảnh Hồ Cốc- Vũng Tàu, bao xe đi và về , 02 tấm hình cổng 60 x 90, 01 bộ veston xanh lá cho đám hỏi, 01 sore xanh cho đám hỏi, 01 áo dài đám hỏi hình con phụng, 01 lần chải tóc đám hỏi và 100 tấm hình đám hỏi anh đã nhận đầy đủ.

Đến ngày 14/4/2018, sau khi thực hiện xong việc đi Hồ Cốc và đám hỏi, chị N có giao album cưới cho anh và chị Th, nhưng vợ chồng anh không được lựa chọn hình, khi kiểm tra lại album ảnh thì phát hiện tên của chị Th sai và có rất nhiều rác và sai sót trong hình ảnh, vợ chồng anh yêu cầu chị N chỉnh lại, chị N chỉ đồng ý chỉnh lại tên của chị Th và những rác nằm trong hình, còn lỗi của hình ảnh thì chị N không đồng ý chỉnh sửa và nói qui định của tiệm chị là vậy. Sau đó anh chị tiếp tục liên lạc qua số điện thoại của chị Ni03 ngày nhưng hai bên không thống nhất được việc chỉnh sửa hình ảnh thì chị N khóa facebook nên anh không liên lạc được. Đến ngày cưới vợ chồng anh phải đi thuê đồ tiệm khác để mặc và trang điểm cô dâu. Trong hợp đồng có ghi bên nào không thực hiện đúng thì sẽ hoàn trả lại đủ số tiền.

Anh H khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng thuê áo cưới được ký kết vào ngày 22/3/2018 với chị Huỳnh Thị Yến N và yêu cầu chị N hoàn trả lại số tiền 5.200.000đ ( năm triệu hai trăm nghìn đồng) đã đặt cọc trước đó. Anh sẽ hoàn trả lại ảnh và album đã nhận do chị N vi phạm hợp đồng.

**-Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Huỳnh Thị Yến N trình bày:**

Việc ký kết và nội dung hợp đồng thuê áo cưới đúng như anh H trình bày, thực hiện hợp đồng chị đã thuê xe, thuê thợ chụp ảnh đi Hồ Cốc-Vũng Tàu chụp ảnh cưới cho anh H và chị Th, tiền thuê xe 3.000.000đ, chị đã giao cho chị Th 02 tấm hình cỡ 60 x 90, 01 bộ veston xanh lá cho đám hỏi, 01 saree xanh cho đám hỏi, 01 áo dài đám hỏi hình con phụng, 01 lần chải tóc đám hỏi, tặng thêm 100 tấm hình đám hỏi thì chị đã thực hiện xong trong đám hỏi nên đám cưới chị không phải chụp hình nữa. Sau khi có cuốn album ảnh cưới ở Hồ Cốc thì có sai sót tên chị Th và có một số rác trong hình ảnh, lỗi hình ảnh, chị Th yêu cầu chỉnh sửa chị đồng ý chỉnh sửa lại, sau khi chỉnh sửa xong và có cuốn album mới chị điện thoại cho chị Th ra lấy album mới và đồ cưới, nhưng chị Th không đến tiệm của chị để lấy album mới và đồ cưới, chị Th có nhắn tin cho chị là chấm dứt hợp đồng, đến ngày cưới cũng không ra lấy đồ cưới và chải tóc, trang điểm, chị Th chấm dứt hợp đồng trước đám cưới là 09 ngày.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H, không đồng ý bồi thường số tiền 5.200.000đ, vì chị đã bỏ chi phí ra thực hiện một phần hợp đồng với số tiền 6.830.000đ (gồm thuê xe đi Hồ Cốc 3.000.000đ, tiền chụp 100 tấm hình đám hỏi 1.130.000đ, tiền thuê thợ chụp hình cưới tại Hồ Cốc 1.000.000đ, 02 tấm hình 60 x 90 để công ngày đám cưới 1.000.000đ, 01 cuốn album lớn 700.000đ). Chị yêu cầu phản tố là anh H và chị Th phải tiếp tục giao cho chị số tiền 5.300.000đ còn lại của hợp đồng đã ký kết vào ngày 22/3/2018 do anh H và chị Th vi phạm hợp đồng trước. Nhưng sau đó chị N không có yêu cầu phản tố.

**-Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Minh Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Chị cùng với anh H đến tiệm của chị N ký hợp đồng thuê áo cưới, nhưng chị không ký hợp đồng mà do anh H ký với chị N. Sau khi thực hiện chụp ảnh cưới tại Hồ Cốc -Vũng Tàu về, chị N điện thoại kêu chị ra tiệm lấy ảnh cưới, chị đến tiệm xem ảnh thì phát hiện sai tên chị là Th chứ không phải Th, chị đem cuốn album về cho gia đình xem thì thấy rác và lỗi hình ảnh rất nhiều nên chị và gia đình không đồng ý, sau đó chị liên lạc điện thoại với chị N kêu chỉnh sửa hình ảnh thì chị N chỉ đồng ý chỉnh sửa tên và rác còn hình ảnh bị lỗi thì chị N không đồng ý sửa. Hai bên chỉ liên lạc bằng điện thoại chứ không trực tiếp gặp nhau, chị không đem cuốn album bị lỗi đến tiệm chị N để sửa. Do không thống nhất được việc chỉnh sửa hình ảnh nên sau đó thời gian khoảng 03 ngày chị có đến tiệm chị N gửi lại đồ cưới vì lúc nhận thiếu 01 cái quần của chú rể và một cái quần của chú rể mặc không vừa, chị thừa nhận có nhắn tin chấm dứt hợp đồng với chị N, hai bên không thống nhất được việc chỉnh sửa album hình ảnh và chị N không đến đám cưới để trang điểm và chải tóc cho cô dâu. Chị không có yêu cầu độc, thống nhất theo ý kiến của anh H yêu cầu chị N phải bồi thường cho anh Hoàng số tiền 5.200.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn cung cấp 01 cuốn album ảnh cưới của anh H và chị Th và 03 tấm ảnh có hình ảnh của anh H và chị Th thể hiện ngày 16/4 chị Th và anh H thử đồ cưới tại tiệm khác. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Việc ký kết hợp đồng là sự tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Phía bị đơn chưa hoàn thành công việc như hợp đồng đã ký kết. Tại Điều 3 của hợp đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, bất lợi cho phía nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 5.200.000đ ( năm triệu hai trăm nghìn đồng ) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 405, các Điều 476, 516, 517, khoản 4 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do bị đơn vi phạm hợp đồng.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 195, 196, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 513, Điều 519 và Điều 520 của Bộ Luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu chị N phải hoàn trả số tiền 5.200.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh H phải nộp 300.000đ do yêu cầu không được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện bị đơn, cư trú tại số 151A, khóm 2, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: vào ngày 22/3/2018 anh Nguyễn Văn Khải H ký kết hợp đồng thuê áo cưới với chị Huỳnh Thị Yến N, quá trình thực hiện hợp đồng hai bên xảy ra tranh chấp, vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của anh H và chị Th cho rằng chị N vi phạm hợp đồng xét thấy: Ngày 22/3/2018 anh H có ký hợp đồng thuê áo cưới với chị N với số tiền 10.500.000đ, anh H đã đặt cọc trước 5.200.000đ, còn lại 5.300.000đ sau đám cưới anh H sẽ giao cho chị N. Sau khi đi chụp ảnh cưới tại Hồ Cốc -Vũng Tàu, chị Th đến nhận cuốn album ảnh cưới thấy sai sót và bị lỗi hình ảnh, chị Th không trả lại cho chị N để chỉnh sửa mà đem về nhà quản lý rồi liên lạc với chị N bằng điện thoại, không trực tiếp đến tiệm chị N để trả lại cuốn album ảnh cưới bị lỗi đó và tại Tòa anh H cũng thừa nhận anh và chị Th không đến tiệm chị N để nhận đồ cưới. Đến ngày 16/4/2018 thì chị Th nhắn tin yêu cầu chấm dứt hợp đồng với chị N. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa anh H và chị Th cho rằng anh, chị chưa đăng ký kết hôn không phải là vợ chồng. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2018 và tại phiên tòa chị Th thừa nhận anh H ký hợp đồng với chị N để thực hiện công việc cho chị và anh H trong đám hỏi và đám cưới, sau khi ký hợp đồng thì chị là người trực tiếp giao dịch với chị N trong mọi công việc.

Tại Tòa anh H thừa nhận không trực tiếp gặp chị N để bàn bạc sửa hình ảnh bị lỗi, cũng không đến tiệm chị N để nhận đồ cưới, không yêu cầu chị N thực hiện những công việc còn lại trong đám cưới và sau khi chị N chỉnh sửa ảnh xong cũng không đến lấy. Như vậy anh H là người đã chấm dứt hợp đồng trước. Theo quy định tại Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền công theo phần dịch vụ mà bên cung ứng dịch vụ đã thực hiện.

[4] Xét yêu cầu của anh Hoàng đòi chị Ni hoàn trả số tiền 5.200.000đ, xét thấy: theo hợp đồng thì chị N phải thực hiện công việc gồm đám hỏi và đám cưới của anh H và chị Th. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày đám hỏi chị N đã

thực hiện xong gồm: chụp 01 cuốn album ngoại cảnh Hồ Cốc- Vũng Tàu bao xe đi và về, giao 02 tấm hình cổng 60 x 90, 01 bộ veston xanh lá cho chú rể, 01 sơ-ri xanh, 01 áo dài hình con phụng, 01 lần chải tóc cho cô dâu và chụp 100 tấm hình đám hỏi giao cho anh Hoàng chị Thi đã nhận đầy đủ. Chị Ni cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là thuê xe đi và về ở Hồ Cốc – Vũng Tàu số tiền 3.000.000đ, tiền chụp 113 tấm ảnh trong đám hỏi bằng 1.130.000đ, tiền thuê thợ đi Hồ Cốc chụp ảnh 1.000.000đ, tổng cộng 5.130.000đ. Tại phiên tòa anh Hoàng và chị Th cũng thừa nhận là chị N đã thực hiện được  $\frac{1}{2}$  hợp đồng là có thật. Hơn nữa trong hợp đồng cũng không nói đến việc chụp ảnh bị lỗi phải chỉnh sửa. Vì vậy anh H khởi kiện chị Ni đòi trả lại số tiền 5.200.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

Tại Tòa anh H không yêu cầu chị Ni phải giao cuốn album ảnh cưới đã chỉnh sửa, chị N cũng không yêu cầu anh H và chị Th phải trả lại cuốn album ảnh cưới bị lỗi nên không xem xét.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh H phải chịu 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) do yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, 519 và Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Khải H về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Yến N phải hoàn trả số tiền 5.200.000đ ( năm triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Khải H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001529 ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh H đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Ánh Bình**